



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành

Ngày 31/03/2025	2,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-9.7%	3.7%	-6.7%

DT thuần Q1/25
134
tỷ VNĐ
QoQ: ▼81.0 -37.5%
YoY: ▼89.0 -39.8%

LN thuần Q1/25
0.65
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.91 -81.7%
YoY: ▼4.77 -88.0%

LN sau thuế Q1/25
0.65
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.75 -80.8%
YoY: ▼3.65 -84.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
0.5%
YoY: +/-▼ 1.2%

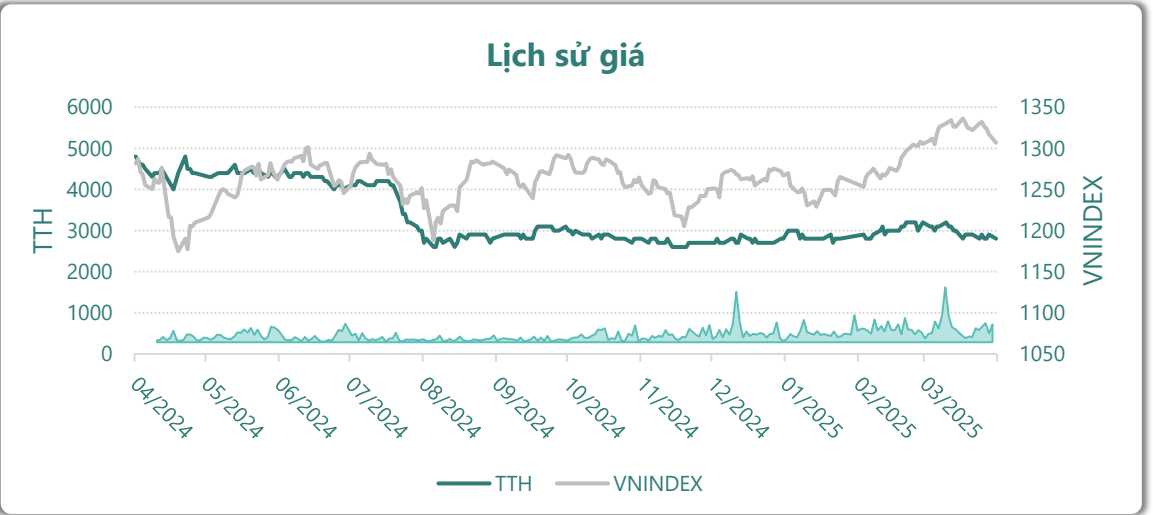
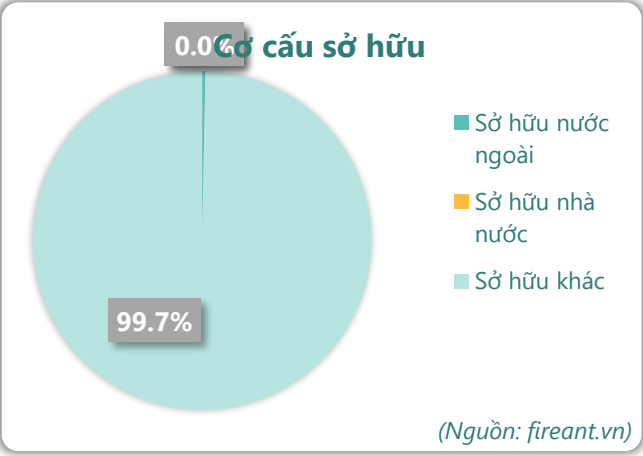
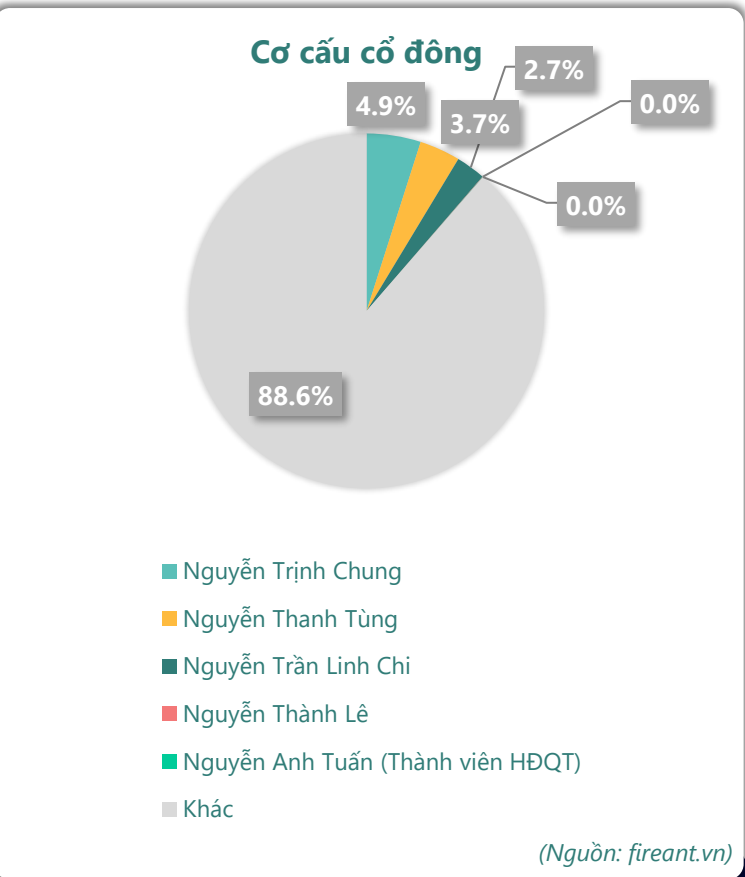
ROE (TTM) Q1/25
-3.9%
YoY: +/-▼ 0.9%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	2,600 - 4,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	105
Số lượng CPLH (CP)	37,374,846
KLGD BQ 20 phiên (CP)	187,855
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.36
EPS	-436
P/E	-6.4

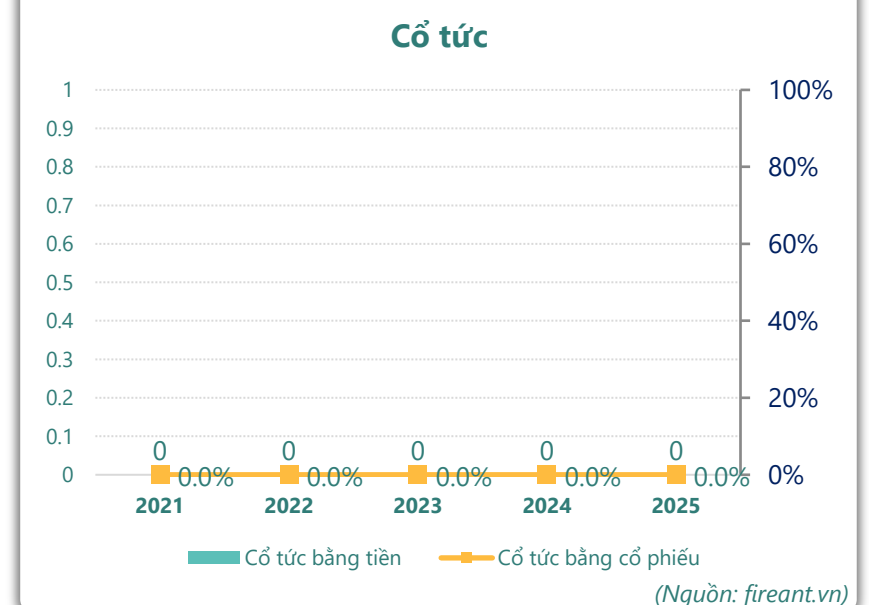
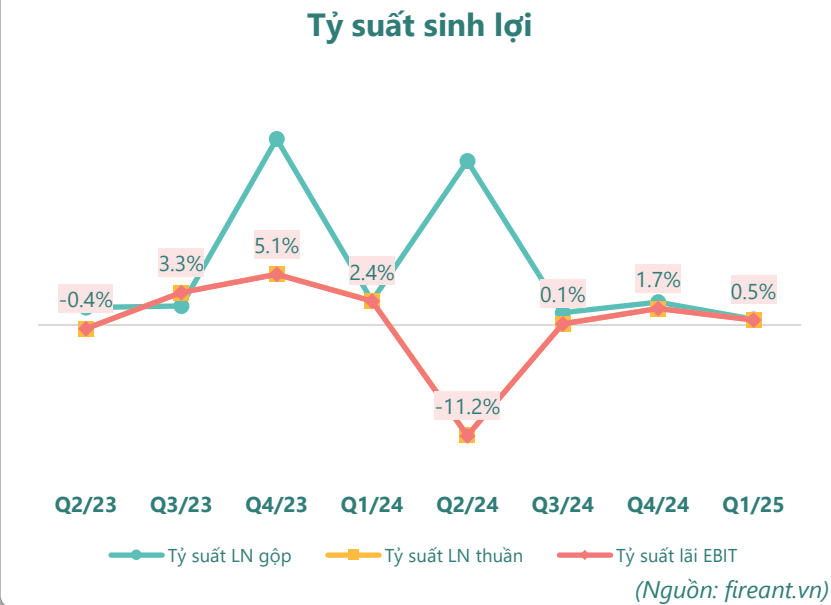
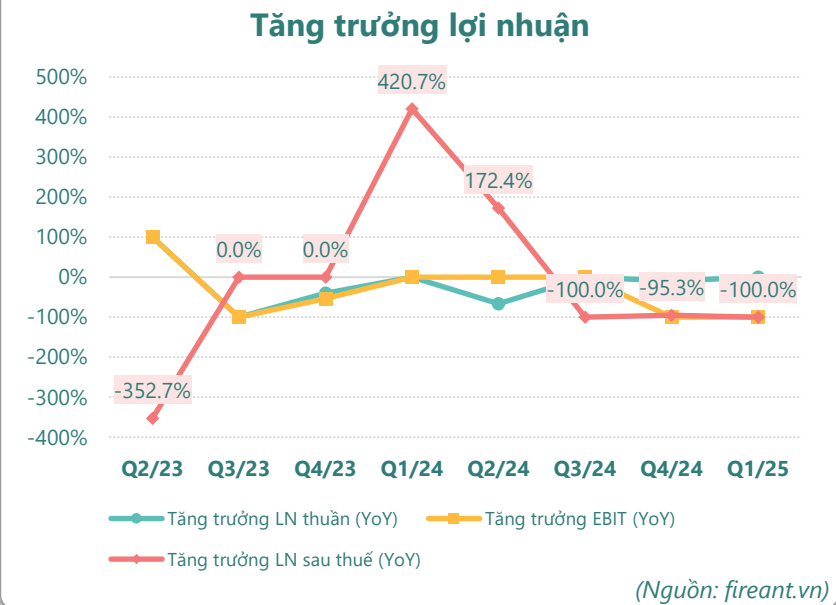
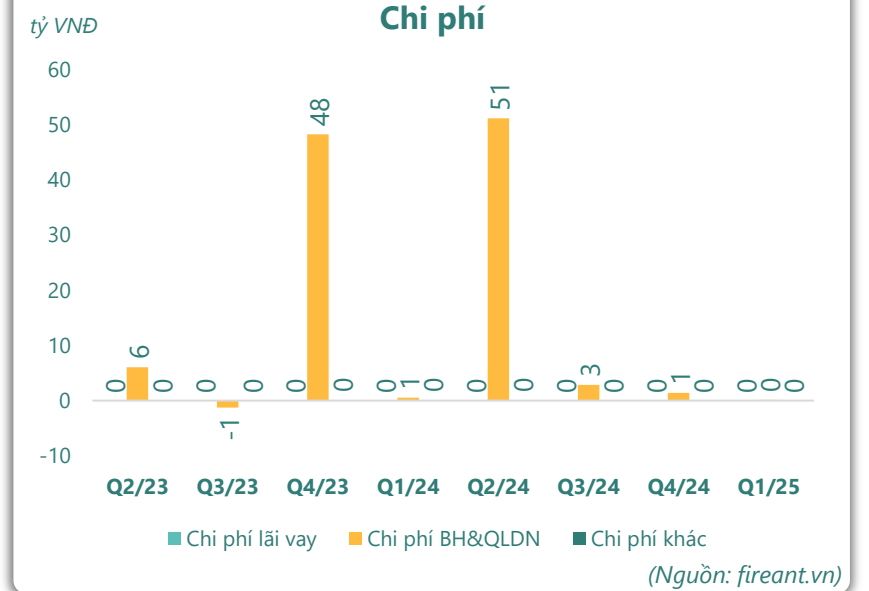
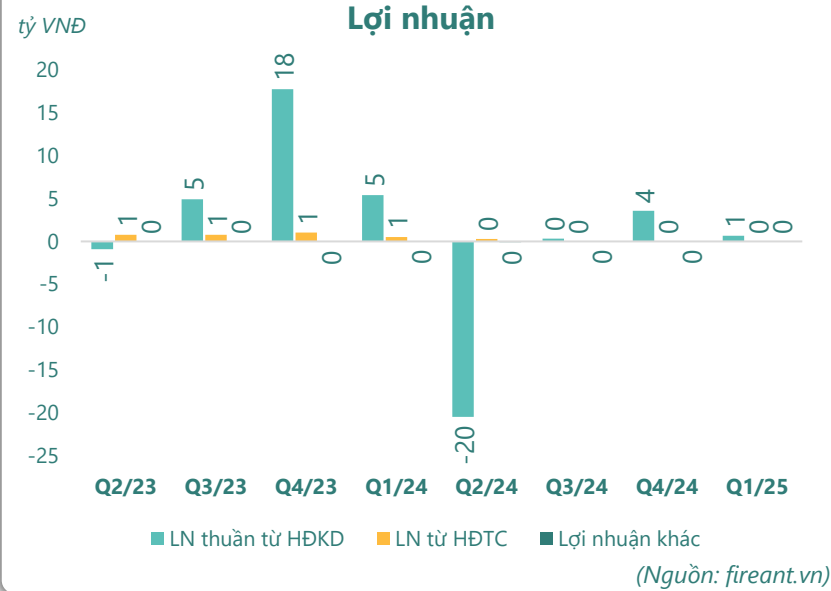
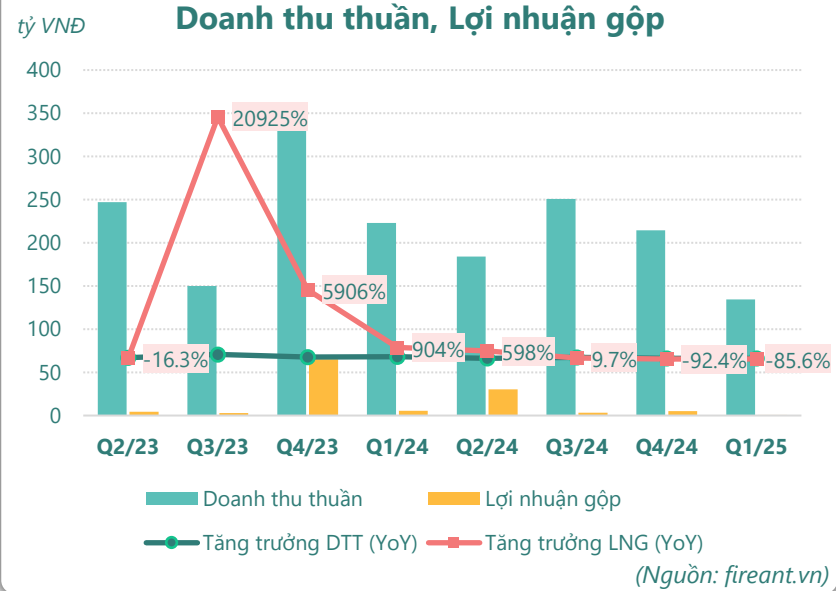
DT thuần 2024
783
tỷ VNĐ
YoY: ▼75.0 -8.7%

LN thuần 2024
-12.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼35.7 -156%

LN sau thuế 2024
-16.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼35.3 -183%



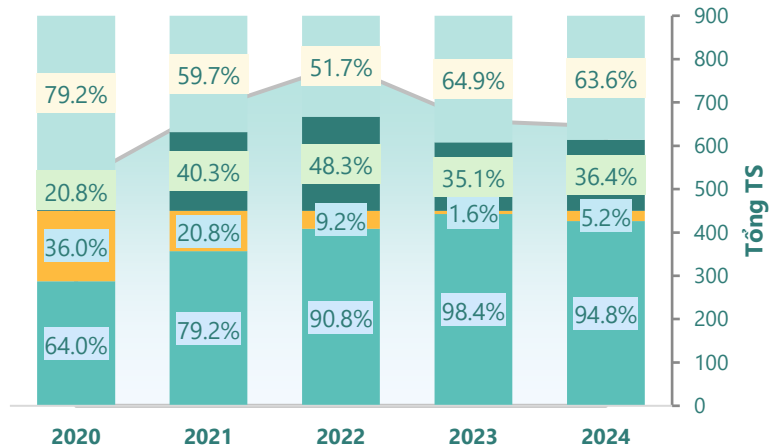
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

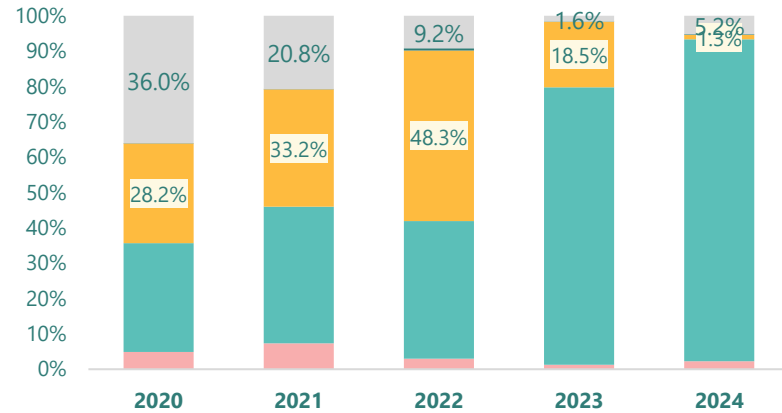
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

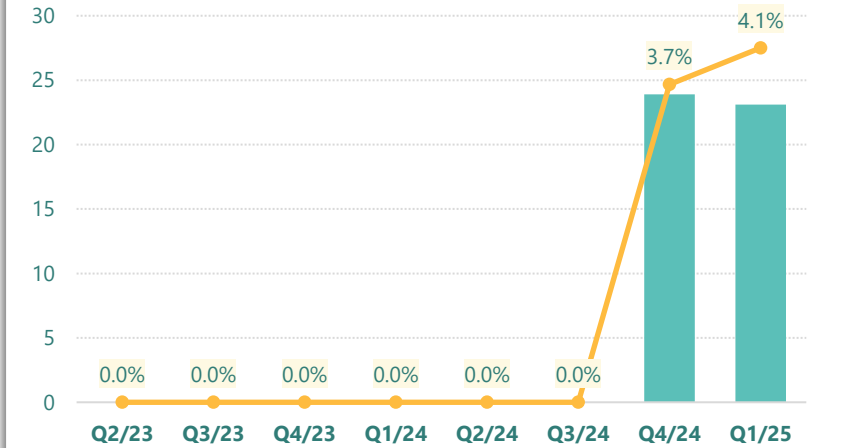


■ Tiền và TĐ tiền ■ Hàng tồn kho ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

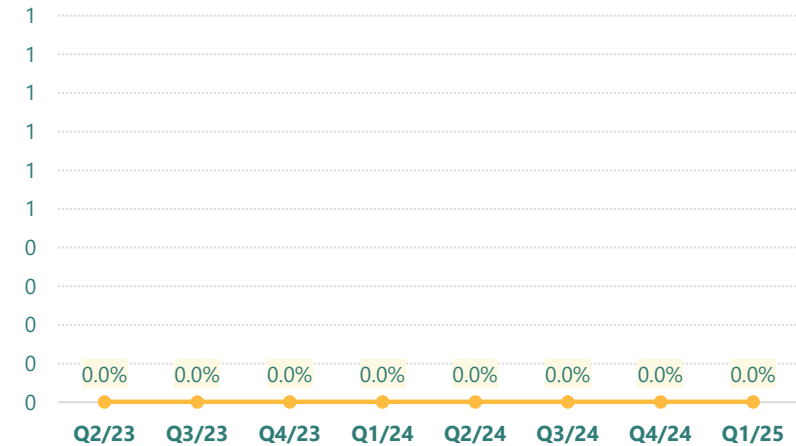


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

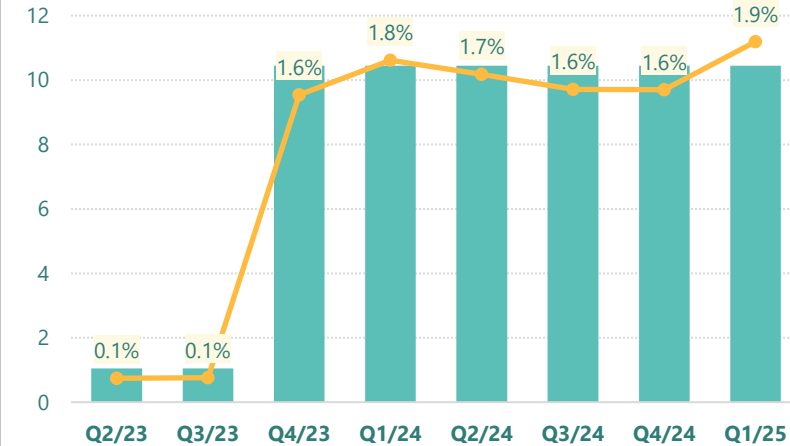


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

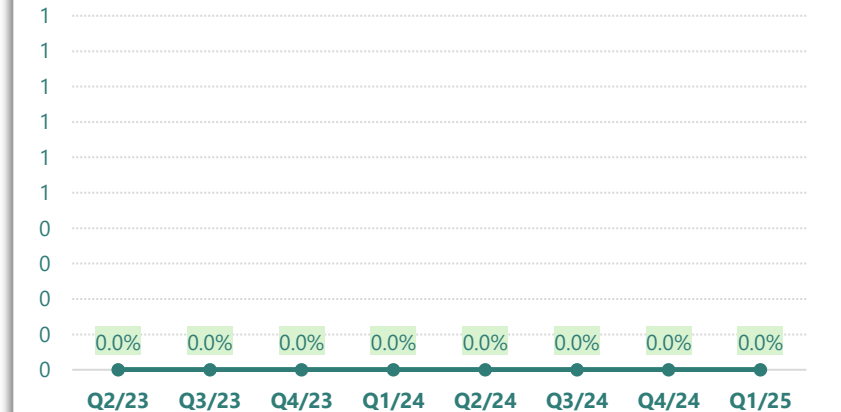


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

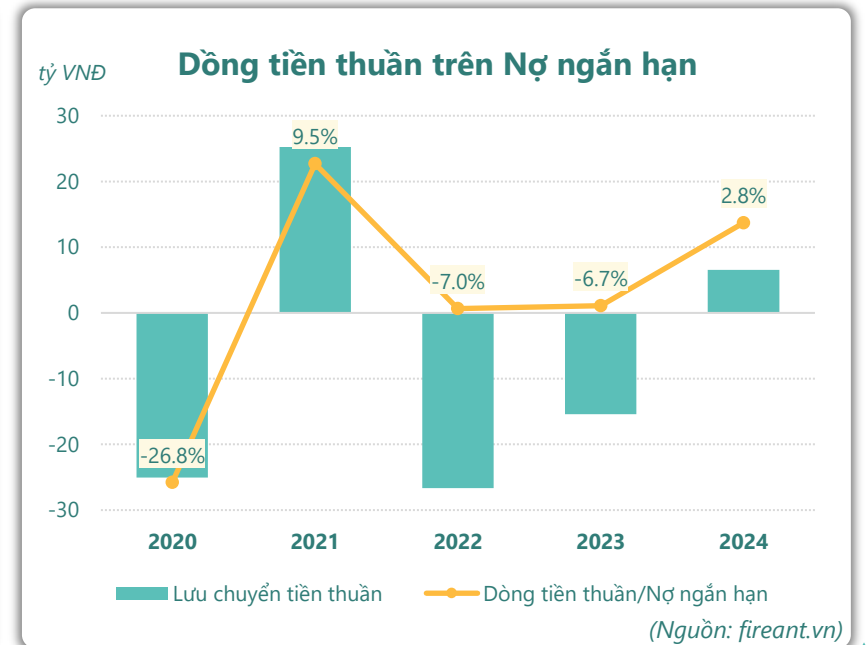
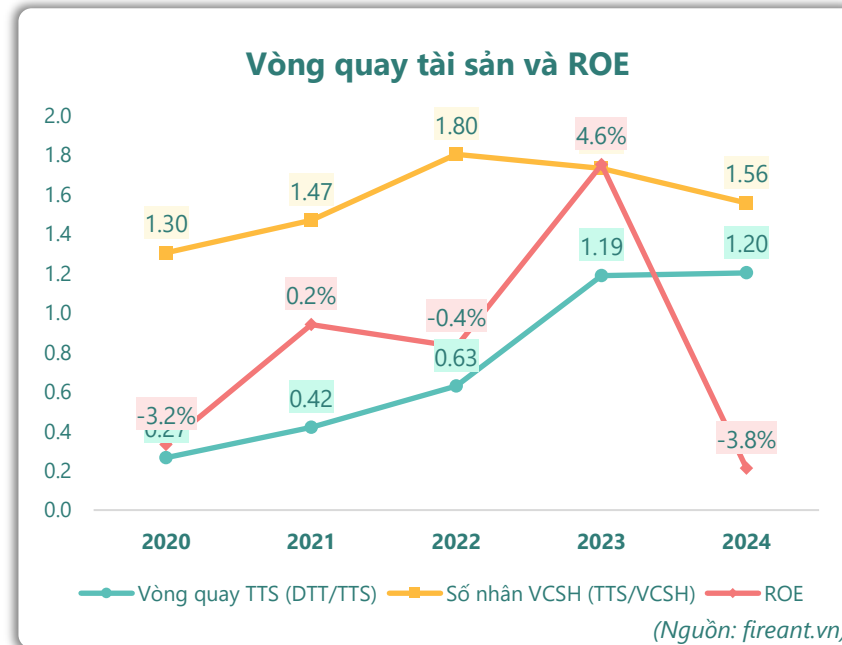
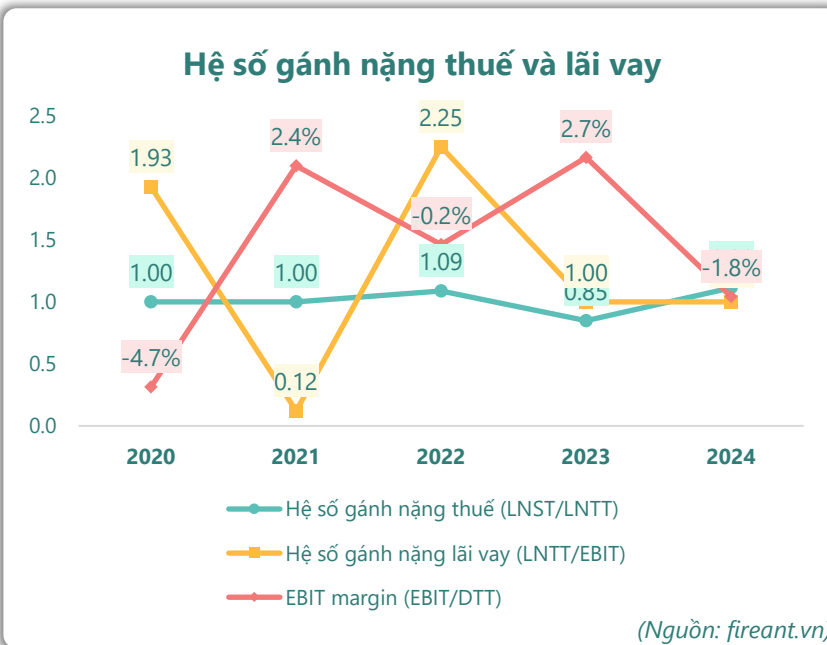
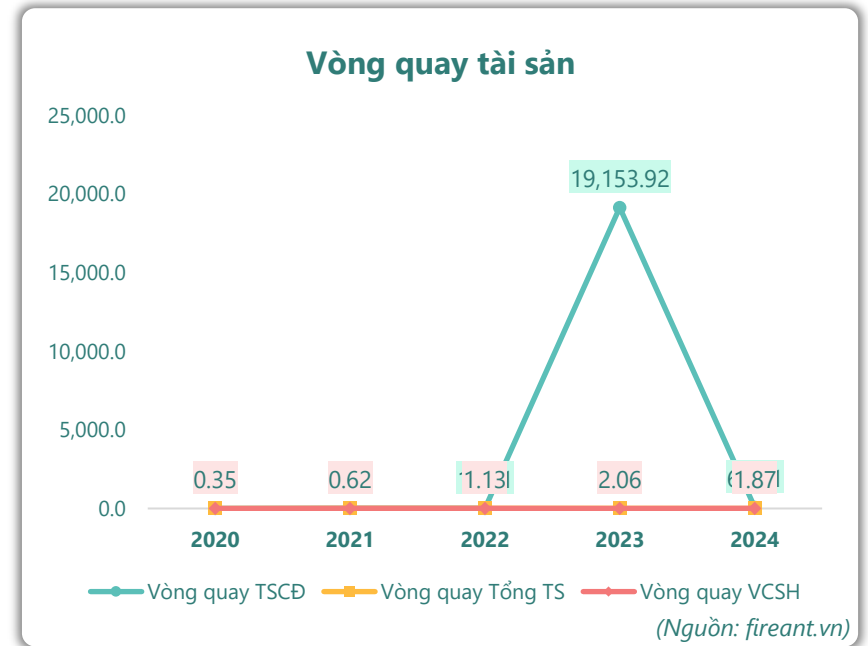
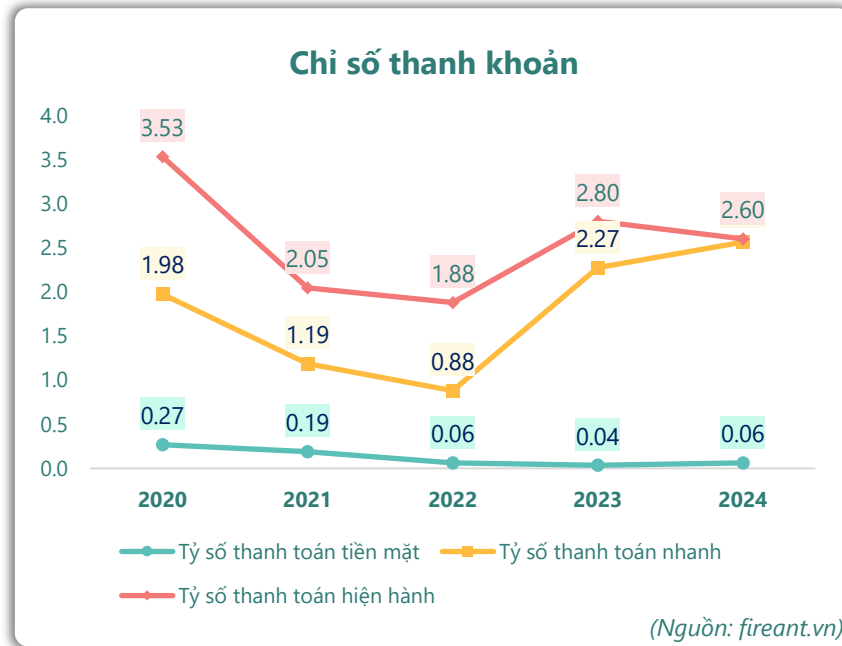
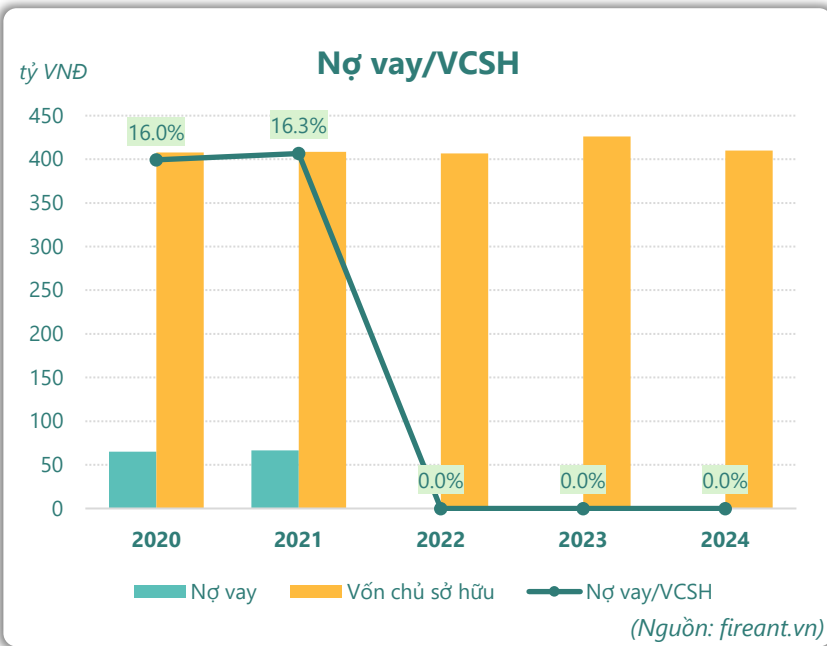


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	134	223	-39.8%	783	858	-8.7%
Giá vốn hàng bán	134	218	-38.7%	745	785	-5.1%
Lợi nhuận gộp	0.78	5.41	-85.6%	38.5	72.8	-47.1%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.52	-100.0%	0.83	4.48	-81.6%
Chi phí TC	0	0.00		0	0.23	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.41	0.29	41.4%	26.0	52.1	-50.2%
Chi phí QLDN	-0.29	0.23	-224%	26.3	2.19	1099%
LN thuần từ HĐKD	0.65	5.42	-88.0%	-12.9	22.8	-156%
Lợi nhuận khác	0.00	-0.04	100.0%	-1.53	-0.05	-2920%
LN trước thuế	0.65	5.37	-87.8%	-14.4	22.8	-163%
Lợi nhuận sau thuế	0.65	4.30	-84.8%	-16.0	19.3	-183%
LNST của CĐ cty mẹ	0.65	4.30	-84.8%	-16.0	19.3	-183%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-76.6	-13.5	-18.3	31.3	7.08	-9.75
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	61.2	13.2	18.1	-31.3	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	23.6	8.13	7.81	7.63	7.59	14.7
Lưu chuyển tiền thuần	-15.4	-0.32	-0.18	-0.04	7.08	-9.75
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.13	7.81	7.63	7.59	14.7	4.91

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	560	645	-13.2%
Tài sản ngắn hạn	527	611	-13.9%
Tiền và tương đương tiền	4.91	14.7	-66.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	512	587	-12.8%
Hàng tồn kho	8.63	8.43	2.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.10	1.04	5.8%
Tài sản dài hạn	33.6	33.7	-0.5%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	23.1	23.3	-0.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	10.5	10.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	149	235	-36.4%
Nợ ngắn hạn	149	235	-36.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	132	210	-37.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	411	410	0.2%
Vốn chủ sở hữu	411	410	0.2%
Vốn điều lệ	374	374	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

